

**Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai
phần 1**

(Hán Bộ Từ Quyển Thứ 17 Đến Hết Quyển Thứ 18)

Hán Dịch: Tào Ngụy, Pháp Sư Khương Tăng Khải

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

Chùa Vạn Đức, Thủ Đức Mùa An Cư, 1987 Phật Lịch 2531

**THE SUTRA ON THE BUDDHA OF
INFINITE LIFE DELIVERED BY
ŚĀKYAMUNI BUDDHA part 1**

Translated into Chinese during the Cao-Wei Dynasty by
Tripitaka Master Samghavarman of India
Translated from the Chinese By Hisao Inagaki in collaboration
with Harold Stewart

Revised Second Edition

Copyright © 1995, 2003 by Bukkyō Dendō Kyōkai and
Numata Center for Buddhist Translation and Research

All rights reserved. No part of this book may be reproduced,
stored in a retrieval system, or transcribed in any form or by any
means —electronic, mechanical, photocopying, recording, or
otherwise— without the prior written permission of the publisher.

Revised Second Edition, First Printing, 2003

ISBN: 1-886439-18-4

Library of Congress Catalog Card Number: 2003109307

Published by

Numata Center for Buddhist Translation and Research
2620 Warring Street Berkeley, California 94704

Used by permission of Bukkyo Dendo Kyokai

www.bdkamerica.org

1

Như vậy, tôi nghe một lúc Đức Phật ở thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, cùng chúng đại Tỳ Kheo một vạn hai ngàn người câu hội.

Các Ngài này đều là bậc đại Thanh Văn mà mọi người quen biết.

Đó là Tôn giả:

A Nhã Kiều Trần Như,

Tôn giả Mã Thắng, Tôn giả Đại Danh,

Tôn giả Hữu Hiền, Tôn giả Vô Cầu,

Tôn giả Danh Văn, Tôn giả Thiện

Xung, Tôn giả Viên Mãn,

Tôn giả Kiều Phạm Ba đề, Tôn giả Ưu

1

Thus have I heard. At one time the Buddha was staying on Vulture Peak, in Rājagṛha with a large company of twelve thousand monks.

They were all great sages who had already attained supernatural powers.

Their names included the following:

Venerable Ājñātakauṇḍinya,

Venerable Aśvajit, Venerable Vāṣpa,

Venerable Mahānāma, Venerable

Bhadrajit,

Venerable Vimāla, Venerable

Yaśodeva, Venerable Subāhu,

Venerable Pūrṇaka, Venerable

<p>Lâu Tần Loa Ca Diếp, Tôn giả Già Da Ca diếp,</p>	<p>Gavāṃpati, Venerable Uruvilvākāśyapa, Venerable</p>
<p>Tôn giả Na Đề Ca Diếp, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Tôn giả Xá Lợi Phất,</p>	<p>Gayākāśyapa, Venerable Nadīkāśyapa, Venerable Mahākāśyapa, Venerable Śāriputra,</p>
<p>Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Ma Ha Kiếp Tân Na, Tôn giả Ma Ha châu Na,</p>	<p>Venerable Mahāmaudgalyāyana, Venerable Kapphiṇa, Venerable Mahākauṣṭhila, Venerable Mahākātyāyana,</p>
<p>Tôn giả Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tôn giả A Nâu Lô Đa, Tôn giả Ly Bà Đa, Tôn giả Nan Đà, Tôn giả La Hầu La, Tôn giả A Nan đà v. v... các Tôn giả này làm Thượng</p>	<p>Venerable Mahācunda, Venerable Pūrṇamaitrāyaṇīputra, Venerable Aniruddha, Venerable Revata, Venerable Kimpila, Venerable Amogharāja, Venerable Pārāyaṇika, Venerable Vakkula, Venerable Nanda,</p>

thủ.

Lại có chúng Đại Bồ Tát, các Ngài Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, và chư Đại Bồ Tát trong kiếp Hiền sau trước vây quanh. Lại cùng Hiền Hộ v. v...

Mười sáu vị Chánh Sĩ câu hội.

Đó là các Ngài Thiện Tri Duy Nghĩa Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thiện Hoa Thần Thông Bồ Tát,

Venerable Svāgata, Venerable Rāhula, and Venerable Ānanda. All of these were elders.

Mahayana bodhisattvas also accompanied the Buddha, including all those of this Auspicious Kalpa, such as Bodhisattva Samantabhadra, Bodhisattva Mañjuśrī, and Bodhisattva Maitreya.

There were also the sixteen lay bodhisattvas.

Such as Bhadrāpāla, as well as Bodhisattva Profound Thought, Bodhisattva Wisdom of Faith, Bodhisattva Emptiness, Bodhisattva Bloom of Supernatural Power,

Quang Tràng Bồ Tát,
Trí Thượng Bồ Tát,
Tịch Căn Bồ Tát, Huệ Nguyện Bồ Tát,
Hương Tượng Bồ Tát, Bửu Tràng Bồ
Tát v. v... làm Thượng thủ.(C)

Bodhisattva Hero of Light,
Bodhisattva Superior Wisdom,
Bodhisattva Banner of Wisdom,
Bodhisattva Tranquil Ability,
Bodhisattva Wisdom of Vows,
Bodhisattva Sweet-smelling Elephant,
Bodhisattva Hero of Treasures,
Bodhisattva Dwelling in the Center,
Bodhisattva Practice of Restraint, and
Bodhisattva Emancipation.

2

Chư Đại Bồ Tát này đều tuân tu hạnh
Phổ Hiền,

đầy đủ tất cả hạnh nguyện Bồ Tát, an
trụ trong tất cả công đức,

đến bờ Phật pháp rất ráo kia, nguyện
ở trong tất cả thế giới thành Đẳng
Chánh Giác.

2

Each of these bodhisattvas, following
the virtues of Mahāsattva

Samantabhadra,

is endowed with the immeasurable
practices and vows of the bodhisattva
path and firmly dwells in all
meritorious deeds.

He freely travels in all the ten
directions and employs skillful means
of liberation.

He enters the treasury of the Dharma
of the Buddhas and reaches the other
shore. Throughout the innumerable
worlds he attains enlightenment.

Lại nguyện sanh cung trời Đâu suất, ở đó thọ chung giáng sanh ở hông bên hữu, hiện đi bảy bước phóng ánh sáng lớn chấn động khắp thế giới mà xưng lên rằng:

Nơi tất cả thế gian, ta là tôn quý hơn cả. Đế Thích và Phạm Thiên đều đến thân cận cúng dường. Lại hiện học tập lục nghệ hơn người, ở vương cung nhàm chán ngũ dục,

First, dwelling in the Tusita Heaven, he proclaims the True Dharma. Having left the heavenly palace, he descends into his mother's womb. Soon after he is born from her right side, he takes seven steps. As he does so, an effulgence illuminates everywhere in the ten directions and innumerable buddha lands quake in six ways. Then he utters these words, "I shall become the most honored one in the world." Śakra and Brahmā reverently attend him, and heavenly beings adore and worship him. He shows his ability in calculation, writing, archery, and horsemanship.

thấy người già bệnh chết liền biết đời
là vô thường, rời bỏ ngôi vua vượt
thành học đạo, cỡi lụa là chuỗi ngọc
mặc y hoại sắc, khổ hạnh sáu năm.

He is also conversant with the divine
arts and well read in many volumes.
In the field outside the palace he trains
himself in the martial arts, and at court
he shows that he also enjoys the
pleasures of the senses.

When he first encounters old age,
sickness, and death, he realizes the
impermanence of the world. He
renounces his kingdom, wealth, and
throne and goes into the mountains to
practice the Way. After sending back
the white horse that he has been
riding, together with the jeweled
crown and ornaments that he has been
wearing, he takes off his magnificent

Ở cõi ngũ trược này có thể thị hiện như vậy. Vì thuận theo thế gian, đến tắm tại sông Ni Liên rồi đi tới đạo tràng. Long Vương ca tụng nghinh tiếp.

Chư Bồ Tát đi nhiều bên hữu ngạn khen.

Nhận lấy cỏ tự tay trái dưới cội cây Bồ Đề rồi ngồi kiết già.

clothes and puts on a Dharma robe. He cuts his hair and shaves his beard, sits upright under a tree, and strives at ascetic practices for six years in accord with the traditional way.

Since he has appeared in the world of the five defilements, he behaves as the multitude. And as his body appears dirty, he takes a bath in the Golden River. As a god bends a branch down toward him, he is able to climb up the river bank. A divine bird follows him closely to the seat of enlightenment (bodhimaṇḍa).

A deva takes the form of a youth and, perceiving a favorable sign,

Lại hiện quân ma bao vây làm hại.
Dùng sức định huệ hàng phục ma oán.
Thành bậc vô thượng Chánh giác.

Phạm Vương thỉnh chuyển pháp luân
dũng mãnh vô úy. Âm thanh của Phật

respectfully presents him with the auspicious grass. The Bodhisattva compassionately accepts it, spreads it under the bodhi tree, and sits upon it with his legs crossed.

He emits a great flood of light to inform Māra of this. Māra and his army come to attack and tempt him, but he brings them under control with the power of wisdom and makes them all surrender. Then he attains the supreme Dharma and realizes highest, perfect enlightenment (anuttara samyaksambodhi).

As Śakra and Brahmā request him to turn the wheel of the Dharma, the

vang rền, đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng tràng pháp, thấp đuốc pháp, nhiếp chánh pháp và các thiên đình, mưa pháp vũ nhuần thấm quần sanh, chân sám pháp khai ngộ tất cả quốc độ, quang minh chiếu khắp thế giới, mặt đất rung động,

cung ma sụp đổ, Ma Vương Ba Tuần kinh sợ, phá giặc phiền não, xé lưới tà kiến, xa rời ác pháp, sanh lớn thiện

Buddha visits various places and preaches the Dharma in his thunderous voice. He beats the Dharma drum, blows the Dharma conch, brandishes the Dharma sword, hoists the Dharma banner, rolls the Dharma thunder, hurls the Dharma lightning, brings the Dharma rain, and bestows the Dharma gift. At all times, he awakens the world with the sound of the Dharma. His light illuminates countless buddha lands, causing the entire world to quake in six ways. It encompasses Māra's realm, shaking his palace, so that he and his host become frightened and surrender. The

pháp,

với món đồ ăn của tín thí có thể ăn có thể tiêu, vì điều phục chúng sanh mà tuyên dương diệu lý, hoặc hiện mỉm cười phóng trăm ngàn tia sáng lên bực quán đánh thọ ký Bồ Đề, hoặc thành Phật đạo,

Bodhisattva tears asunder the net of evil, destroys wrong views, removes afflictions, flushes the gutters of desire, protects the Dharma castle, opens the Dharma gate, washes off the grime of the passions, and reveals the pure white Dharma. He unifies everything in the Buddha-Dharma and thus proclaims the right teaching.

He enters the town to beg alms; he accepts even rich food to enable the donors to accumulate merit and also to show that he is a field of virtue.

Wishing to expound the Dharma, he smiles and so cures the three pains with various Dharma medicines. He

hiện nhập Niết Bàn, khiến vô lượng hữu tình đều được quả vô lậu, thành thực thiện căn cho vô biên Bồ Tát. Trong tất cả cõi Phật đều có thể thị hiện như vậy.

teaches that the aspiration for enlightenment (bodhicitta) has immeasurable merit, and by giving predictions to bodhisattvas, he enables them to attain buddhahood.

He demonstrates that he passes into nirvana but endlessly brings sentient beings to liberation. In removing their defilements, planting various roots of virtue, and attaining excellent merit, he displays wonderful and inconceivable works.

Furthermore, each of the bodhisattvas in the assembly is able to visit various buddha lands and expound teachings of the Way. His manner of practice is

Ví như nhà ảo thuật biết rõ ảo thuật có thể hiện ra những tướng nam nữ v. v... ở trong các tướng ấy thật không có được.

Cũng vậy, chư Bồ Tát khéo học vô biên ảo thuật công đức nên hay thị hiện biến hóa, hay khéo biết rõ đạo biến hóa,

nên ở các quốc độ hiện đại từ bi đều có thể lợi ích tất cả quần sanh.

Thành tựu vô biên hạnh nguyện Bồ

pure and undefiled.

Just as a magician with his perfect skill can create at will various illusions, including images of a man or a woman, so the bodhisattva, having thoroughly learned all the methods of liberation and attained serene awareness of reality, can freely teach and transform beings.

He manifests himself everywhere in innumerable buddha lands, performing acts of compassion for sentient beings tirelessly and with diligence.

He has thus obtained complete

Tát. Thông đạt bình đẳng vô lượng nghĩa môn. Tu hành đầy đủ tất cả pháp lành. Bình đẳng thẳng vào trong các cõi Phật.

Thường được chư Phật khuyến tấn và gia hộ oai thần. Được tất cả Như Lai rõ biết ẩn khả.

Vì giáo hóa chư Bồ Tát mà làm A Xà Lê. Thường tu tập thành tựu vô biên công hạnh.

mastery of all such methods of liberation.

He is thoroughly conversant with the essentials of the sutras for bodhisattvas; and, as his fame spreads everywhere, he guides sentient beings throughout the ten directions.

All buddhas remember him and give him their protection. He has already dwelled in all the Buddha's abodes and performed all the deeds of the Great Sage. He proclaims the Tathagata's teachings, acts as a great master for other bodhisattvas, and, with profound samādhi and wisdom, guides

Thông đạt tất cả pháp giới hạnh. Hay biết rành rẽ hữu tình và quốc độ. Cũng thường đi đến cúng dường chư Phật.

Hiện các thứ thân hình như là ảnh tượng. Khéo học pháp vô úy, phá lưới ma, trừ tà kiến, qua khỏi quyến thuộc phiền não và bạn ma dân ma.

Hơn hẳn bậc Thanh Văn và Bích Chi

multitudes of beings.

With penetrating insight into the essential nature of dharmas, he discerns different aspects of living beings and closely watches over all the worlds.

In making offerings to the buddhas, he manifests transformed bodies like flashes of lightning. Having well learned the extensive wisdom of fearlessness in preaching and having realized the illusory nature of dharmas, he destroys Māra's nets and unties all the bonds of passion.

He rises above the stages of śrāvakas

Phật. Nhập môn không, vô tướng và vô nguyện, mà hay an trụ phương tiện thiện xảo.

Chẳng hề thích Niết Bàn của nhị thừa. Được các tam muội vô sanh vô diệt và các môn đà la ni.

Các căn quảng đại, biện tài quyết định, nơi tạng pháp Bồ Tát hay biết rõ Phật hoa tam muội, tùy thời ngộ nhập.

and pratyekabuddhas and attains the samadhis of emptiness, non-form, and non-desire. He skillfully provides expedient means and thus reveals three distinct teachings.

Then for those of the middle and lower stages, he demonstrates his passing into nirvana. But, in reality, he is non-active and non-acquisitive, and, being aware that dharmas in themselves neither arise nor perish, he realizes that they are of absolute equality.

He has attained innumerable dharanis, a hundred thousand samadhis, and various kinds of spiritual faculties and

Đủ biết tất cả các thứ thậm thâm thiền định. Tất cả chư Phật đều hiện ra trước. Trong khoảng một niệm đi khắp cõi Phật, quanh vòng qua lại vẫn chẳng khác thời gian,

cứu vớt nạn khổ. Phân biệt hiển bày chơn thiệt bốn tế.

wisdom.

With the meditation of vast and universal tranquility, he enters deeply into the Dharma treasury for bodhisattvas. After attaining the buddha-garland samādhi, he proclaims and expounds all the sutras. While dwelling deep in meditation, he visualizes all the innumerable buddhas and in an instant visits every one of them.

By elucidating and teaching the ultimate truth to sentient beings, he delivers them from the state of extreme pain, from the conditions in which suffering is so great as to

Được Phật biện tài, trụ hạnh Phổ
Hiền. Hay phân biệt rõ ngôn ngữ của
chúng sanh.

Vượt hơn tất cả pháp thế gian. Biết
rành tất cả pháp xuất thế. Nơi tất cả
vạn vật tùy ý tự tại.

Với tất cả hữu tình làm bạn chẳng chờ
thỉnh. Có thể chấp trì pháp tạng của tất
cả Như Lai. An trụ chẳng dứt chũng

prevent people from finding time for
Buddhist practices, and also from the
conditions in which suffering is not so
great as to prevent them from doing
so.

Having attained the Tathagata's
thorough knowledge and eloquence,
he has fluent command of languages,
with which he enlightens all beings.
He is above all worldly affairs and his
mind, always serene, dwells on the
path of liberation; this gives him
complete control over all dharmas.

Without being asked to do so, he
becomes a good friend to each of the
multitude of beings and carries their

tánh tất cả Phật.

Thương mến hữu tình mở bày pháp
nhãn cho họ. Bít cửa ác đạo, mở cửa
thiện đạo. Với tất cả hữu tình xem như
cha mẹ anh em. Lại xem chúng sanh
không khác thân mình.

heavy karmic burdens on his back. He
upholds the Tathagata's profound
Dharma treasury and protects the
seeds of buddhahood, so that they may
continue to multiply.

Having awakened great compassion
for sentient beings, he kindly
expounds the teaching and endows
them with the Dharma eye. He blocks
the paths to the three evil realms,
opens the gate of virtue, and, without
waiting for their request, provides
beings with the Dharma. He does this
for the multitude of beings just as a
dutiful son loves and respects his
parents. He indeed looks upon sentient

Tất cả pháp lành đều được rớt ráo. Vô lượng công đức của chư Phật đều đã được. Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng Đại Bồ Tát vô lượng vô biên như vậy đồng đến pháp hội. (C)

beings as his own self.

With such roots of virtue, all the bodhisattvas in the assembly had reached the shore of liberation. They had acquired the buddhas' immeasurable merit and attained the sacred, pure, and inconceivable wisdom. Incalculable bodhisattvas and mahāsattvas, such as these, assembled there all at once.

3

Lúc bấy giờ sắc diện của Đức Thế Tôn vui vẻ sáng rõ.

Thừa oai thần của Đức Phật, Tôn giả A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy chỉnh lý y phục, trích vai hữu, gối hữu chầm đật chấp tay hướng lên Đức Phật bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay sắc diện của Đức Thế Tôn vui vẻ sáng rõ, trong sạch như gương sáng, từ nào chưa từng được thấy.

3

At that time all the senses of the World-honored One radiated joy, his entire body appeared serene and glorious, and his august countenance looked most majestic.

Having perceived the Buddha's holy intention, Venerable Ānanda rose from his seat, bared his right shoulder, prostrated himself, and joining his palms in reverence, said to the Buddha, "World-honored One, today all your senses are radiant with joy, your body is serene and glorious, and your august countenance is as majestic

Bạch Đức Thế Tôn! Tôi tự nghĩ rằng hôm nay Đức Thế Tôn an trụ chỗ an trụ của chư Phật. Hôm nay Đức Thế Nhân an trụ nơi hạnh của bậc đạo sư. Hôm nay đức Thế Anh an trụ nơi đạo tối thắng. Hôm nay đức Thế Hùng hành công đức của Như Lai. Phải chăng hôm nay Đức Thế Tôn nghĩ nhớ đến chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại?". (C)

as a clear mirror whose brightness radiates outward and inward. The magnificence of your dignified appearance is unsurpassed and beyond measure. I have never seen you look so superb and majestic as today. With respect, Great Sage, this thought has occurred to me: 'Today, the World-honored One dwells in the rare and marvelous Dharma; today, the World Hero dwells in the Buddha's abode; today, the World Eye concentrates on the performance of the leader's duty; today, the World Valiant One dwells in the supreme bodhi; today, the One Most Honored

Đức Phật phán dạy: "Này A Nan! Sao ông biết được việc ấy, chừ Thiên bảo ông, hay là ông tự thấy biết?".

Ngài A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Tôi thấy sắc diện của Đức Thế

in Heaven realizes the Tathagata's virtue. The buddhas of the past, present, and future contemplate each other. How can this present buddha not contemplate the other buddhas?' For what reason does his countenance look so majestic and brilliant?"

Then the World-honored One said to Ānanda, "Tell me, Ānanda, whether some god urged you to put this question to the Buddha or whether you asked about his glorious countenance from your own wise observation."

Ānanda replied to the Buddha, "No god came to prompt me. I asked you

Tôn rạng rỡ ít khi có, nên mới bạch hỏi như vậy, chẳng phải là do chư Thiên mách bảo".

Đức Phật phán dạy: "Lành thay, lành thay! Này A Nan! Ông phát trí huệ biện tài hỏi được Như Lai việc ấy. Ông là Đại Sĩ hi hữu như hoa Ưu Đàm xuất hiện thế gian, có lòng đại bi lợi ích chúng sanh, nên thưa hỏi việc ấy.

about this matter of my own accord.”

The Buddha said, “Well said, Ānanda. I am very pleased with your question. You have shown profound wisdom and subtle insight in asking me this wise question out of compassion for sentient beings. As the Tathagata, I regard beings of the three worlds with boundless great compassion. The reason for my appearance in the world is to reveal teachings of the Way and save multitudes of beings by endowing them with true benefits. Even in countless millions of kalpas it

- Này A Nan! Đức Như Lai Chánh đẳng Chánh giác hay khai thị được vô lượng tri kiến. Tại sao? Vì Như Lai tri kiến vô chướng vô ngại.

- Này A Nan! Như Lai Chánh đẳng Chánh giác, nếu muốn ở thế gian, có thể ở đến vô lượng vô số trăm ngàn ức na do tha kiếp, hoặc là tăng hơn số

is difficult to come upon and meet a Tathagata. It is as difficult as seeing an uḍumbara flower, which blooms very rarely. Your question is of great benefit and will enlighten all heavenly and human beings.

Ānanda, you should realize that the Tathagata's perfectly enlightened wisdom is unfathomable, capable of leading innumerable beings to liberation, and that his penetrating insight cannot be obstructed.

With just one meal, he is able to live for a hundred thousand kotis of kalpas, or an incalculable and immeasurable length of time, or

lượng trên, mà thân thể của Như Lai và các căn vẫn không tổn giảm. Tại sao vậy?

Vì Như Lai được tam muội tự tại rất ráo. Nơi tất cả pháp là tự tại hơn hết.

- Này A Nan! Ông phải lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói".

Ngài A Nan thưa: "Vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Tôi mong muốn được nghe

beyond. Even after that lapse of time, his senses will still be radiant with joy and show no signs of deterioration; his appearance will not change and his august countenance will look just the same.

The reason for this is that the Tathagata's meditation and wisdom are perfect and boundless and he has attained unrestricted power over all dharmas.

Ānanda, listen carefully. I shall now expound the Dharma."

Ānanda replied, "Yes, I will. With joy in my heart, I wish to hear the

Đức Phật chỉ dạy".(C)

Dharma.”

4

Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Thuở xưa quá a tăng kỳ vô số đại kiếp có Phật xuất thế hiệu là Nhiên Đăng Như Lai giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh.

Sau đó có Quang Viên Phật, Nguyệt Quang Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Thiện Sơn Vương Phật, Tu Di Thiên Quang Phật, Tu Di Đẳng Diệu Phật, Nguyệt Sắc Phật, Chánh Niệm Phật, Ly Cầu Phật, Vô Trước Phật, Long

4

The Buddha said to Ānanda, "In the distant past innumerable, incalculable, and inconceivable kalpas ago a Tathagata named Dīpaṅkara appeared in the world. Having taught and freed innumerable beings and led them all along the Way of enlightenment, he passed into nirvana.

Next appeared a Tathagata named Far-reaching Illumination. After him came Moonlight, and then Sandalwood Incense, King of Beautiful Mountains, Crown of Mount Sumeru, Brilliant like Mount Sumeru, Color of the

Thiên Phật, Dạ Quang Phật, An Minh
Đảnh Phật, Bất Động Địa Phật, Lưu
Ly Diệu Hoa Phật, Lưu Ly Kim Sắc
Phật, Kim Tạng Phật, Viêm Quang
Phật, Viêm Căn Phật, Địa Chủng
Phật, Nguyệt Tượng Phật, Nhật Âm
Phật, Giải Thoát Hoa Phật, Trang
Nghiem Quang Minh Phật, Hải Giác
Thần Thông Phật, Thủy Quang Phật,
Đại Hương Phật, Ly Trần Cấu Phật,
Xả Yểm Ý Phật, Bửu Viêm Phật, Diệu
Đảnh Phật, Dũng Lập Phật, Công Đức
Trì Huệ Phật, Tỳ Nhựt Nguyệt Quang
Phật, Nhựt Nguyệt Lưu Ly Quang
Phật, Vô Thượng Lưu Ly Quang Phật,
Tối Thượng Thủ Phật, Bồ Đề Hoa

Moon, Right Recollection, Free of
Defilement, Nonattachment, Dragon
Deva, Nocturnal Light, Peaceful and
Brilliant Peak, Immovable Ground,
Exquisite Beryl Flower, Golden Beryl
Luster, Gold Treasury, Flaming Light,
Fiery Origin, Earth Shaking, Image of
the Moon, Sound of the Sun, Flower
of Freedom, Glorious Light,
Miraculous Power of the Ocean of
Enlightenment, Water Light, Great
Fragrance, Free of Dust and
Defilement, Abandoning Enmity,
Flame of Jewels, Beautiful Peak,
Heroic Stance, Merit-possessing
Wisdom, Outshining the Sun and

Phật, Nguyệt Minh Phật, Nhật Quang Phật, Hoa Sắc Hương Phật, Thủy Nguyệt Quang Phật, Trừ Si Minh Phật, Độ Cái Hạnh Phật, Tịnh tín Phật, Thiện Tú Phật, Oai Thần Phật, Pháp Huệ Phật, Loan Âm Phật, Sư Tử Âm Phật, Long Âm Phật, Xử Thế Phật, Chư Phật như vậy kế tiếp nhau xuất hiện ra đời. (C)

Moon, Beryl Light of the Sun and Moon, Supreme Beryl Light, Highest Peak, Flower of Enlightenment, Brightness of the Moon, Sunlight, King of the Colors of Flowers, Moonlight on the Water, Dispelling the Darkness of Ignorance, Practice of Removing Hindrances, Pure Faith, Storehouse of Good, Majestic Glory, Wisdom of the Dharma, Voice of the Phoenix, Roar of the Lion, Cry of the Dragon, and Dwelling in the World. All these buddhas have already passed into nirvana.

5

Kể đó có Đức Phật hiệu là Thế Tụ Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. (C)

Lúc đó có Quốc Vương nghe Đức Phật thuyết pháp lòng rất vui đẹp phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, từ bỏ ngôi vua xuất gia làm Tỳ Kheo hiệu là Pháp Tạng, đến chỗ Đức Phật Thế Tụ Tại Vương, cúi lạy chơn Đức Phật, đi

5

“Then there appeared a buddha named Lokeshvararaja , the Tathagata, Arhat, Fully Enlightened One, Possessed of Wisdom and Practice, Well-gone One, Knower of the World, Unsurpassed One, Tamer of Beings, Teacher of Gods and Humans, and Enlightened and World-honored One.

“At that time there was a king who, having heard the Buddha’s exposition of the Dharma, rejoiced in his heart and awakened aspiration for highest, perfect enlightenment. He renounced his kingdom and throne, and became a

quanh bên hữu ba vòng, quỳ dài chấp
tay nói kệ tụng khen rằng:

Sắc diện Phật rực rỡ

Oai Thần Phật vô cực

Ánh sáng chói như vậy

Không ai sánh bằng Phật

Mặt nhật và mặt nguyệt

monk named Dharmākara. Having superior intelligence, courage, and wisdom, he distinguished himself in the world. He went to see Tathagata Lokeshvararaja , knelt down at his feet, walked around him three times keeping him always on his right, prostrated himself on the ground, and, putting his palms together in worship, praised the Buddha with these verses:

1. The shining face of the Buddha is glorious;

Boundless is his magnificence.

Radiant splendor such as his

Is beyond all comparison.

The sun, the moon, and the maṇi-gem,

Cùng ma ni bửu châu

Ánh sáng bị che lấp

Chẳng khác gì đồng mực (C)

Dung nhan của Như Lai

Thế gian không ai sánh

Viên âm của Như Lai

Vang khắp đến mười phương

Giới, đa văn, tinh tiến

Tam muội và trí huệ

Oai đức không ai sánh

Rất thù thắng hy hữu (C)

Đề lý sâu, niệm lành

Though shining with dazzling
brightness,

Are completely dimmed and obscured
As if they were a pile of inksticks.

2. The countenance of the Tathagata
Is beyond compare in the whole
world.

The great voice of the Enlightened
One Resounds throughout the ten
directions.

His morality, learning, endeavor,
Absorption in meditation, wisdom,
And magnificent virtues have no
equal;

They are wonderful and unsurpassed.

3. He meditates deeply and directly

Pháp hải của chư Phật

Đã cùng tận thâm áo

Tột bờ và suốt đáy

Vô minh và tham sân

Thế Tôn đã không hẳn

Đẳng như hùng sư tử

Thần đức không thể lường (C)

Công huân Phật rộng lớn

Trí huệ sâu vi diệu

Quang minh tướng oai nghi

Chấn động cõi Đại Thiên

On the oceanic Dharma of all
buddhas.

He knows its depth and breadth
And penetrates to its farthest end.

Ignorance, greed, and anger
Are forever absent in the World-
honored One.

He is the lion, the most valiant of all
men;

His glorious virtue is unlimited.

4. His meritorious achievements are
vast;

His wisdom is deep and sublime.

His light, with awe-inspiring glory,
Shakes the universe of a thousand
million worlds.

Nguyện tôi lúc làm Phật
Bằng với đấng Pháp Vương

Vượt khỏi dòng sanh tử

Không gì chẳng giải thoát (C)
Bồ thí và trì giới

Nhẫn nhục và tinh tiến
Thiền định các tam muội
Trí huệ là trên hết

Tôi thề được làm Phật

Làm khắp hết nguyện này

I resolve to become a buddha,
Equal in attainment to you, O Holy
King of the Dharma,
To save living beings from birth and
death,

And to lead them all to liberation.

5. My discipline in giving (dāna),
mind-control, moral virtues (śīla),
Patience (kṣānti), and effort (vīrya),
And also¹ in meditation (dhyāna) and
wisdom (prajñā), will be supreme and
unsurpassed.

I vow that, when I have become a
buddha,

I shall carry out this promise
everywhere;

Tất cả sự khủng bố
Tôi sẽ làm an ổn (C)
Giả sử có chư Phật
Số trăm ngàn muôn ức
Vô lượng đáng đại Thánh
Như số cát sông Hằng

Dầu cúng dường tất cả
Chư Phật Thế Tôn ấy
Vẫn chẳng bằng cầu đạo
Tâm vững chắc chẳng bỏ (C)
Thí như hằng hà sa
Thế giới của chư Phật

Lại có bất khả kể
Vô số những quốc độ

And to all fear-ridden beings
Shall I give great peace.
6. Even though there are buddhas²
A thousand million kotis in number,
And multitudes of great sages
Countless as the sands of the Ganges
River,
I shall make offerings
To all those buddhas.
I shall seek the supreme Way
Resolutely and tirelessly.
7. Even though the buddha lands are
as incalculable As the sands of the
Ganges River,
And other regions and worlds
Are also without number,

Quang minh đều chiếu đến
Khắp hết những cõi ấy
Siêng tinh tấn như vậy
Sức oai thần khó lường (C)

Nếu lúc tôi làm Phật
Cõi nước tôi đệ nhất
Rất nhiều thứ kỳ diệu

Đạo tràng rất siêu tuyệt

Cõi nước như Niết Bàn
Không cõi nào sánh bằng
Tôi sẽ luôn thương nhớ
Độ tất cả chúng sanh (C)

Người mười phương sanh về

My light shall reach everywhere,
Pervading all those lands.
Such being the result of my efforts,
My glorious power will be
immeasurable.

8. When I have become a buddha,
My land shall be most exquisite
And its people wonderful and
unexcelled;

The seat of enlightenment will be
supreme.

My land, being like nirvana itself,
Will be beyond comparison.

I take pity on living beings

And resolve to save them all.

9. Those who come from the ten

Lòng vui mừng thanh tịnh
Đã về đến nước tôi
Đều sung sướng an ổn

Trông mong Phật chứng minh

Cho tôi được thành tựu

Do sức muốn tinh tiến
Tôi phát nguyện như trên (C)
Mười phương chư Thế Tôn
Trí huệ lớn vô ngại

Khiến cho Thế Tôn này
Biết tâm niệm của tôi

directions

Will find joy and serenity of heart;
When they reach my land,
They shall dwell in peace and
happiness.

I beg you, the Buddha, to become my
witness

And to vouch for the truth of my
aspiration.

Having now made my vows to you,
I will strive to fulfill them.

10. The World-honored Ones in the
ten directions Have unhindered
wisdom;

I call upon those Revered Ones
To bear witness to my intention.

Giả sử thân tôi ở
Trong những chốn khốn khổ
Tôi tinh tiến hành đạo
Chịu đựng chẳng hối tiếc. (C)

Even though I must remain
In a state of extreme pain,
I will diligently practice,
Enduring all hardships with tireless
vigor.”

6

- Này A Nan! Tỳ Kheo Pháp Tạng nói kệ tụng xong bạch Đức Phật Thế Tụ Tại Vương rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Tôi đã phát tâm Vô thượng Chánh giác, xin Đức Thế Tôn rộng tuyên kinh pháp cho. Tôi sẽ tu hành nhiếp lấy Phật quốc thanh tịnh vô lượng trang nghiêm. Khiến tôi mau thành bực Chánh giác nhờ hết gốc rễ sanh tử khổ lụy.

6

The Buddha said to Ānanda, “Having spoken these verses, Bhikṣu Dharmākara said to Buddha Lokesvararaja ,

‘Respectfully, World-honored One, I announce that I have awakened aspiration for highest, perfect enlightenment. I beseech you to explain the Dharma to me fully, so that I can perform practices for the establishment of a pure buddha land adorned with innumerable excellent qualities. So please teach me how to attain enlightenment quickly and to

Thế Tụ Tại Vương Như Lai nói với
Pháp Tạng Tỳ Kheo rằng:
Công hạnh tu hành trang nghiêm Phật
độ, ông tự biết lấy.

Tỳ Kheo Pháp Tạng thưa:
Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa ấy sâu
rộng chẳng phải cảnh giới của tôi.
Ngưỡng mong Đức Thế Tôn chỉ dạy
công hạnh Tịnh độ của chư Phật Như
Lai. Tôi được nghe rồi sẽ y theo tu
hành để hoàn thành sở nguyện. (C)

remove the roots of the afflictions of
birth and death of all.””

The Buddha said to Ānanda, “At that
time Buddha Lokeshvararaja replied to
Bhikṣu Dharmākara, ‘You yourself
should know by what practice you can
establish a glorious buddha land.’

The bhikṣu said to the Buddha, ‘That
is far too vast and deep for my
comprehension. I sincerely beseech
you, Worldhoned One, to explain in
detail the practices by which buddha
Tathagatas established their pure
lands. After I hear that, I wish to
practice as instructed and so fulfill my
aspirations.’

Lúc ấy Đức Phật Thế Tụ Tại Vương biết Tỳ Kheo Pháp Tạng cao minh chí nguyện sâu rộng liền giảng dạy rằng: Ví như biển cả kia, có một người lấy đầu múc nước trải qua kiếp số còn có thể cạn đến đáy được châu báu vi diệu. Có người chí tâm tinh tiến cầu đạo chẳng thôi, tất sẽ kết quả, có nguyện gì mà chẳng được thành.

Rồi đức Thế Tụ Tại Vương Phật nói rộng hai trăm mười ức quốc độ chư Phật, những là sự thiện ác của hàng

“At that time Buddha Lokeshvararaja recognized Bhikṣu Dharmākara’s noble and high aspirations and taught him as follows: ‘If, for example, one keeps on bailing water out of a great ocean with a pint measure,³ one will be able to reach the bottom after many kalpas and then obtain rare treasures. Likewise, if one sincerely, diligently, and unceasingly seeks the Way, one will be able to reach one’s destination. What vow is there that cannot be fulfilled?’ “

Then Buddha Lokeshvararaja explained in detail the greater and lesser aspects of two hundred and ten

thiên như, những sự xấu tốt của cõi nước, và ứng theo tâm nguyện của Tỳ Kheo Pháp Tạng mà hiện rõ ra cho thấy cả. (C)

Nghe và thấy các quốc độ nghiêm tịnh, Tỳ Kheo Pháp Tạng phát khởi thệ nguyện thù thắng vô thượng, tâm Ngài tịch tịnh, trí Ngài rộng rang, tất cả thế gian không có ai bằng. Trọn đủ năm kiếp, Ngài suy xét nhiếp lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh nước Phật".

kotis of buddha lands, together with the good and evil natures of heavenly and human beings living there. He revealed them all to the bhikṣu just as he had requested.

Then the bhikṣu, having heard the Buddha's exposition of the glorious pure lands and also having seen all of them, resolved upon his supreme, unsurpassed vows. His mind being serene and his aspirations free of attachment, he was unexcelled throughout the world. For five full kalpas he contemplated the vows and then chose the pure practices for the establishment of his buddha land."

Ngài A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Người cõi Phật xưa ấy thọ mạng bao lâu?".

Đức Phật nói: "Này A Nan! Đức Phật Thế Tụ Tại Vương thọ mạng bốn mươi hai kiếp.

Thuở ấy, Tỳ Kheo Pháp Tạng nhiếp lấy công hạnh thanh tịnh trang nghiêm hai trăm mười ức nước Phật và tu tập xong, Ngài đến trước đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai cúi lạy chơn Phật, đi quanh bên hữu ba vòng chấp tay đứng lại bạch rằng:

Ānanda asked the Buddha, "How long was the lifespan of beings in the land of Buddha Lokeshvararaja?"⁴

The Buddha replied, "The length of life of that buddha was forty-two kalpas."

He continued, "After that, Dharmākara Bodhisattva adopted the pure practices that had led to the establishment of the excellent lands of two hundred and ten kotis of buddhas. When he had finished this task, he went to the Buddha, knelt down at his feet, walked around him three times, joined his palms in worship, and sat down. He then said to the Buddha,

Bạch Đức Thế Tôn! Tôi đã nhiếp lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh nước Phật. (C)

Đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai nói: Nay ông nên trình bày, phải biết là đúng lúc, để phát khởi và làm vui đẹp tất cả đại chúng. Bồ Tát tu hành pháp ấy thì sẽ đầy đủ vô lượng đại nguyện.

Tỳ Kheo Pháp Tạng thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Mong được xét soi, tôi sẽ trình rõ những điều nguyện mà tôi đã phát. (C)

‘I have adopted the pure practices for the establishment of a glorious buddha land.’

The Buddha said to him, ‘You should proclaim this. Know that now is the right time. Encourage and delight the entire assembly. Hearing this, other bodhisattvas will practice this Dharma and so fulfill their innumerable great vows.’

The bhikṣu replied, ‘I beg you to grant me your attention. Now I will fully proclaim my vows.’

7

1. Giả sử khi tôi thành Phật, nước tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

2. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi sau khi mạng chung còn trở lại ba ác đạo thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

3. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi chẳng đều thân màu vàng ròng thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

7

1 If, when I attain buddhahood, there should be in my land a hell, a realm of hungry ghosts, or a realm of animals, may I not attain perfect enlightenment.

2 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should after death fall again into the three evil realms, may I not attain perfect enlightenment.

3 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not all be the color of pure gold, may I not attain perfect

4. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi sắc thân chẳng đồng có kẻ xấu người đẹp thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

5. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi chẳng biết túc mạng, tối thiểu là biết sự việc trong trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

enlightenment.

4 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not all be of one appearance, and should there be any difference in their beauty, may I not attain perfect enlightenment.

5 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not remember all their former lives, not knowing⁵ at least the events that occurred during the previous hundred thousand kotis of nayutas of kalpas, may I not attain perfect enlightenment.

6. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nư²ơn nước tôi ch²ẳng đ²ược thiên nh²ã, t²ôi thi²êu là th²ấy tr²ăm ng²àn ức na do tha c²õi nước chư Phật thì tôi ch²ẳng lấy ng²ôi ch²ánh gi²ác. (C)

7. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nư²ơn nước tôi ch²ẳng đ²ược thiên nh²ĩ, t²ôi thi²êu là nghe lời thuy²ết pháp của tr²ăm ng²àn ức na do tha chư Phật và ch²ẳng th²ọ tr²i h²ết, thì tôi ch²ẳng lấy ng²ôi ch²ánh gi²ác. (C)

8. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng

6 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not possess the divine eye of seeing at least a hundred thousand kotis of nayutas of buddha lands, may I not attain perfect enlightenment.

7 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not possess the divine ear of hearing the teachings of at least a hundred thousand kotis of nayutas of buddhas and should not remember all of them, may I not attain perfect enlightenment.

8 If, when I attain buddhahood,

thiên như nước tôi chẳng được tha tâm trí, tối thiểu là biết tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na do tha cõi nước, thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

9. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên như nước tôi chẳng được thần túc, tối thiểu là khoảng một niệm qua đến trăm ngàn ức na do tha nước Phật thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

10. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng

humans and devas in my land should not possess the faculty of knowing the thoughts of others, at least those of all sentient beings living in a hundred thousand kotis of nayutas of buddha lands, may I not attain perfect enlightenment.

9 If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not possess the supernatural power of traveling anywhere in one instant, even beyond a hundred thousand kotis of nayutas of buddha lands, may I not attain perfect enlightenment.

10 If, when I attain buddhahood,

thiên như nước tôi nếu sanh lòng
tưởng nghĩ tham chấp thân thể thì tôi
chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

11. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng
thiên như ở nước tôi, chẳng an trụ
định tụ quyết đến diệt độ thì tôi chẳng
lấy ngôi chánh giác. (C)

12. Giả sử khi tôi thành Phật, quang
minh có hạn lượng, tối thiểu chẳng
chiếu đến trăm ngàn ức na do tha cõi
nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi
chánh giác. (C)

humans and devas in my land
should give rise to thoughts of
self-attachment, may I not attain
perfect enlightenment.

11 If, when I attain buddhahood,
humans and devas in my land
should not dwell in the definitely
assured stage and unfailingly
reach nirvana, may I not attain
perfect enlightenment.

12 If, when I attain buddhahood, my
light should be limited,
illuminating even a hundred
thousand kotis of nayutas of
buddha lands, may I not attain
perfect enlightenment.

13. Giả sử khi tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tối thiểu là trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

14. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thanh Văn trong nước tôi mà có người tính đếm được, nhẫn đến chúng sanh trong cõi Đại Thiên đều thành bậc Duyên Giác cùng nhau chung tính đếm suốt trăm nghìn kiếp mà biết được số lượng ấy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

15. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng

13. If, when I attain buddhahood, my lifespan should be limited, even to the extent of a hundred thousand kotis of nayutas of kalpas, may I not attain perfect enlightenment.

14. If, when I attain buddhahood, the number of the śrāvakas in my land could be known, even if all the beings and pratyekabuddhas living in this universe of a thousand million worlds should count them during a hundred thousand kalpas, may I not attain perfect enlightenment.

15. If, when I attain

thiên như nước tôi thọ mạng không ai hạn lượng được, trừ họ có bốn nguyện dài ngắn tự tại. Nếu chẳng như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

16. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên như nước tôi mà còn nghe danh từ bất thiện thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

17. Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

buddhahood, humans and devas in my land should have limited lifespans, except when they wish to shorten them in accordance with their original vows, may I not attain perfect enlightenment.

16. If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should even hear of any wrongdoing, may I not attain perfect enlightenment.

17. If, when I attain buddhahood, innumerable buddhas in the lands of the ten directions should not all praise and glorify my Name, may I not

18. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi nhân đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

19. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ Đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện

attain perfect enlightenment.

18. If, when I attain buddhahood, sentient beings in the lands of the ten directions who sincerely and joyfully entrust themselves to me, desire to be born in my land, and think of me even ten times⁶ should not be born there, may I not attain perfect enlightenment. Excluded, however, are those who commit the five grave offenses and abuse the Right Dharma.

19. If, when I attain buddhahood, sentient beings in the lands of the ten directions who

muốn sanh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

20. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trông những cội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

awaken aspiration for enlightenment, do various meritorious deeds, and sincerely desire to be born in my land, should not, at their death, see me appear before them surrounded by a multitude of sages, may I not attain perfect enlightenment.

20. If, when I attain buddhahood, sentient beings in the lands of the ten directions who, having heard my Name, concentrate their thoughts on my land, plant roots of virtue, and sincerely transfer their merits toward my land with a desire to

21. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi chẳng đều đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhơn thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

22. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi nước khác sanh về nước tôi rớt ráo tất cả đến bực nhứt sanh bồ xứ. Trừ người có bốn nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp

be born there should not eventually fulfill their aspiration, may I not attain perfect enlightenment.

21. If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not all be endowed with the thirty-two physical characteristics of a great being, may I not attain perfect enlightenment.

22. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the buddha lands of the other directions who visit my land should not ultimately and

hoàng thệ chứa công đức độ tất cả, đi qua các nước Phật tu hạnh Bồ Tát, cúng dường chư Phật mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh khiến họ đứng nơi đạo chánh chơn vô thượng, vượt hơn công hạnh của hạng tầm thường, hiện tiền tu công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

unfailingly reach the stage of becoming a buddha after one more life, may I not attain perfect enlightenment. Excepted are those who wish to teach and guide sentient beings in accordance with their original vows. For they will wear the armor of great vows, accumulate merit, deliver all beings from birth and death, visit buddha lands to perform the bodhisattva practices, make offerings to buddha Tathagatas throughout the ten directions, enlighten countless sentient beings as numerous as the sands

23. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi thừa thần lực Phật đi cúng dường chư Phật, khoảng bữa ăn nếu không đến khắp vô số vô lượng ức na do tha cõi nước thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

of the Ganges River, and establish them in highest, perfect enlightenment. Such bodhisattvas transcend the course of practice of ordinary bodhisattvas, manifest the practices of all the bodhisattva stages, and cultivate the virtues of Samantabhadra.

23. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land who would make offerings to buddhas through my divine power should not be able to reach immeasurable and innumerable kotis of nayutas of buddha lands in as short a time as it takes to eat

24. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi ở trước chư Phật hiện công đức mình, nếu những thứ dùng để cúng dường không có đủ theo ý muốn thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

25. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi chẳng thể diễn nói như thuyết trí thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

26. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát

a meal, may I not attain perfect enlightenment.

24. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land should not be able, as they wish, to perform meritorious acts of worshiping the buddhas with the offerings of their choice, may I not attain perfect enlightenment.

25. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land should not be able to expound the Dharma with all-knowing wisdom, may I not attain perfect enlightenment.

26. If, when I attain

trong nước tôi chẳng được thân Kim Cương Na la diên thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

27. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn và tất cả vạn vật trong nước tôi trang nghiêm thanh tịnh sáng rõ hình sắc đặc biệt lạ lùng vi tột diệu không ai lường biết được, dầu là có thiên nhân mà biện biệt được danh số ấy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

buddhahood, there should be any bodhisattva in my land not endowed with the body of the Vajra god Nārāyaṇa, may I not attain perfect enlightenment.

27. If, when I attain buddhahood, sentient beings should be able, even with the divine eye, to distinguish by name and calculate by number all the myriads of manifestations provided for the humans and devas in my land, which will be glorious and resplendent and have exquisite details beyond description, may I not attain

28. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi, nhân đến người công đức ít nhứt mà chẳng thấy biết [cây] đạo tràng thọ màu sáng vô lượng cao bốn trăm muôn dặm thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

29. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi nếu đọc tụng thọ trì diễn thuyết kinh pháp mà chẳng được trí huệ biện tài thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

perfect enlightenment.

28. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land, even those with little store of merit, should not be able to see the bodhi tree, which has immeasurable light in countless colors and is four million li in height, may I not attain perfect enlightenment.

29. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land should not acquire eloquence and wisdom in upholding sutras and reciting and expounding them, may I not attain perfect

30. Giả sử khi tôi thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ Tát trong nước tôi mà có hạn lượng thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

31. Giả sử khi tôi thành Phật, nước tôi thanh tịnh soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị thế giới chư Phật mười phương, như gương sáng soi hiện hình gương mặt, nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

32. Giả sử khi tôi thành Phật, từ mặt đất lên đến hư không, những cung

enlightenment.

30. If, when I attain buddhahood, the wisdom and eloquence of bodhisattvas in my land should be limited, may I not attain perfect enlightenment.

31. If, when I attain buddhahood, my land should not be resplendent, revealing in its light all the immeasurable, innumerable, and inconceivable buddha lands like images reflected in a clear mirror, may I not attain perfect enlightenment.

32. If, when I attain buddhahood, all the myriads of

điện, lầu đài, ao nước, cây hoa, tất cả vạn vật trong nước tôi đều dùng vô lượng châu báu, trăm ngàn thứ hương hiệp lại làm thành xinh đẹp kỳ lạ hơn hàng thiên hơn. Hương ấy xông khắp vô lượng thế giới mười phương. Bồ Tát nghe mùi hương ấy đều tu hạnh Phật. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

manifestations in my land, from the ground to the sky, such as palaces, pavilions, ponds, streams, and trees, should not be composed both of countless treasures that surpass in supreme excellence anything in the worlds of humans and devas and of a hundred thousand kinds of aromatic wood whose fragrance pervades all the worlds of the ten directions, causing all bodhisattvas who sense it to perform Buddhist practices, then may I not attain perfect enlightenment.

33. Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương, được quang minh tôi chiếu đến thân, thân họ nhu nhuyễn hơn hẳn hàng thiên nhơn. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

34. Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi mà chẳng được Bồ Tát vô sanh pháp nhẫn các thâm tông trì thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

33. If, when I attain buddhahood, sentient beings in the immeasurable and inconceivable buddha lands of the ten directions who have been touched by my light should not feel peace and happiness in their bodies and minds surpassing those of humans and devas, may I not attain perfect enlightenment.

34. If, when I attain buddhahood, sentient beings in the immeasurable and inconceivable buddha lands of the ten directions who have heard my Name should not gain the

35. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng nữ
nhơn của vô lượng bất tư nghị thế giới
mười phương nghe danh hiệu tôi vui
mừng tin ưa phát tâm Bồ Đề nhằm
ghét thân người nữ, nếu sau khi chết
mà họ còn sanh thân người nữ lại thì
tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

bodhisattva's insight into the non-
arising of all dharmas and should
not acquire various profound
dharanis, may I not attain perfect
enlightenment.

35. If, when I attain
buddhahood, women in the
immeasurable and inconceivable
buddha lands of the ten directions
who, having heard my Name,
rejoice in faith, awaken aspiration
for enlightenment, and wish to
renounce womanhood should
after death be reborn again as
women, may I not attain perfect
enlightenment.

36. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát trong vô lượng bất tư nghì thế giới mười phương thế giới nghe danh hiệu tôi sau khi thọ chung thường tu phạm hạnh đến thành Phật đạo. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

37. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn trong vô lượng bất tư nghì thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi rồi năm vóc gieo xuống đất cúi đầu vái lạy vui mừng tin ưa tu hạnh Bồ Tát thì được chư Thiên và người đời đều kính trọng. Nếu không như vậy

36. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the immeasurable and inconceivable buddha lands of the ten directions who have heard my Name should not, after the end of their lives, always perform sacred practices until they reach buddhahood, may I not attain perfect enlightenment.

37. If, when I attain buddhahood, humans and devas in the immeasurable and inconceivable buddha lands of the ten directions who, having heard my Name, prostrate themselves on the ground to revere and

thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

38. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi muốn được y phục liền tùy nguyện hiện đến, y phục đẹp đúng pháp như Phật khen ngợi tự nhiên mặc trên thân. Nếu còn phải may cắt nhuộm giặt thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

worship me, rejoice in faith, and perform the bodhisattva practices should not be respected by all devas and people of the world, may I not attain perfect enlightenment.

38. If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not obtain clothing as soon as such a desire arises in their minds, and if fine robes as prescribed and praised by the buddhas should not be spontaneously provided for them to wear, and if these clothes should need sewing, bleaching,

39. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhơn nước tôi hưởng thọ khoái lạc chẳng như bực lậu tậ Tỳ Kheo thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

40. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát nước tôi tùy ý muốn thấy vô lượng nước Phật trang nghiêm thanh tịnh mười phương thì liền được toại nguyện, đều được soi thấy ở trong những cây báu, như thấy mặt mình

dyeing, or washing, may I not attain perfect enlightenment.

39. If, when I attain buddhahood, humans and devas in my land should not enjoy happiness and pleasure comparable to those of a monk who has exhausted all the passions, may I not attain perfect enlightenment.

40. If, when I attain buddhahood, the bodhisattvas in my land who wish to see the immeasurable glorious buddha lands of the ten directions should not be able to view all of them

hiện rõ trong gương sáng. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

41. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi, từ đó đến lúc thành Phật nếu các căn thân còn thiếu xấu chẳng được đầy đủ thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

42. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi thấy đều chứng được thanh tịnh giải thoát tam muội,

reflected in the jeweled trees, just as one sees one's face reflected in a clear mirror, may I not attain perfect enlightenment.

41. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should, at any time before becoming buddhas, have impaired, inferior, or incomplete sense organs, may I not attain perfect enlightenment.

42. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not all

khoảng một lúc phát ý, cúng dường vô lượng bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn, mà không mất tâm chánh định. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

43. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi, sau lúc thọ chung sanh nhà tôn quý. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

attain the samādhi called “pure liberation” and, while dwelling therein, should not, without losing concentration, be able to make offerings in one instant to immeasurable and inconceivable buddhas, World-honored Ones, may I not attain perfect enlightenment.

43. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not be reborn into noble families after death, may I not attain perfect enlightenment.

44. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi vui mừng hơn hờ tu hạnh Bồ Tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

45. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi thấy đều chứng được phổ đẳng tam muội, an trụ trong tam muội này đến lúc thành Phật thường thấy vô lượng bất khả tư nghị tất cả chư Phật. Nếu không như vậy thì tôi

44. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not rejoice so greatly as to dance and perform the bodhisattva practices and should not acquire stores of merit, may I not attain perfect enlightenment.

45. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not all attain the samādhi called “universal equality” and, while dwelling therein, should not

chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

46. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở trong nước tôi tùy chí nguyện của mỗi người muốn được nghe pháp liền tự nhiên được nghe. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

47. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đến bực bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy

always be able to see the immeasurable and inconceivable⁷ Tathagatas until those bodhisattvas, too, become buddhas, may I not attain perfect enlightenment.

46. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in my land should not be able to hear spontaneously whatever teachings they may wish, may I not attain perfect enlightenment.

47. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not

ngôi chánh giác. (C)

48. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đệ nhất nhãn, đệ nhị nhãn và đệ tam pháp nhãn, nơi các Phật pháp chẳng liền được bực bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy ngôi chánh giác. (C)

instantly reach the stage of nonretrogression, may I not attain perfect enlightenment.

48. If, when I attain buddhahood, bodhisattvas in the lands of the other directions who hear my Name should not instantly gain the first, second, and third insights into the nature of dharmas and firmly abide in the truths realized by all the buddhas, may I not attain perfect enlightenment.””

8

Tuyên bốn mươi tám đại nguyện ấy
xong, Tỳ Kheo Pháp Tạng nói kệ tụng
rằng:

Tôi lập nguyện hơn đời

Tất đến đạo vô thượng

Nguyện này chẳng đầy đủ
Thề chẳng thành chánh giác (C)

Tôi ở vô lượng kiếp
Chẳng làm đại thí chủ

8

The Buddha said to Ānanda, “Bhikṣu
Dharmākara, having thus proclaimed
those vows, spoke the following
verses:

1. I have made vows, unrivaled in all
the world;

I shall certainly reach the unsurpassed
Way.

If these vows should not be fulfilled,
May I not attain perfect
enlightenment.

2. If I should not become a great
benefactor In lives to come for
immeasurable kalpas

Cứu khắp kẻ nghèo khổ

Thề chẳng thành chánh giác (C)

Tôi đến lúc thành Phật
Danh tiếng siêu mười phương

Trọn có người chẳng nghe

Thề chẳng thành chánh giác (C)

Ly dục, chánh niệm sâu

Tịnh huệ, tu phạm hạnh

Chí cầu đạo vô thượng

To save the poor and the afflicted
everywhere,

May I not attain perfect
enlightenment.

3. When I attain buddhahood,
My Name will be heard throughout
the ten directions;

Should there be any place where it is
not heard,

May I not attain perfect
enlightenment.

4. Free of greed and with profound
mindfulness

And pure wisdom, I will perform the
sacred practices;

I will seek to attain the unsurpassed

Làm thầy hàng trời người (C)

Thần lực phóng quang minh

Chiếu khắp vô biên cõi

Tiêu trừ tối phiền não

Cứu thoát những ách nạn (C)

Khai mắt trí huệ kia

Trừ tối mù lừa nầy

Đóng bít các ác đạo

Thông đạt cửa thiện đạo (C)

Way

And become the teacher of devas and humans.

5. With my divine power I will display great light, Illuminating the worlds without limit, And dispel the darkness of the three defilements;

Thus I will deliver all beings from misery.

6. Having obtained the eye of wisdom,

I will remove the darkness of ignorance;

I will block all evil paths

And open the gate to the good realms.

Công đức thành đầy đủ

Oai sáng chói mười phương

Sáng hơn mặt nhật nguyệt
Thiên quang bị khuất lấp (C)

Vì chúng khai pháp tạng

Rộng ban báu công đức

Thường ở trong đại chúng
Thuyết pháp sư tử rống (C)

Cúng dường tất cả Phật

7. When merits and virtues are perfected,
My majestic light will radiate in the ten directions,
Outshining the sun and moon
And surpassing the brilliance of the heavens.

8. I will open the Dharma storehouse for the multitudes
And endow them all with treasures of merit.

Being always among the multitudes,
I will proclaim the Dharma with the lion's roar.

9. I will make offerings to all the buddhas,

Đầy đủ những công đức
Nguyện, huệ đều viên mãn

Được làm bực Thế Tôn (C)

Như Phật vô ngại trí

Thông đạt chiếu tất cả

Nguyện công đức của tôi
Bằng Tối Thắng Tôn này (C)

Nguyện đây nếu quả toại
Đại Thiên nên cảm động

Chư Thiên Thần trên không
Sẽ mưa hoa báu đẹp. (C)(C)

Thereby acquiring roots of virtue.

When my vows are fulfilled and
wisdom perfected,

I shall be the sovereign of the three
worlds.

10. Like your unhindered wisdom, O
Buddha,

Mine shall reach everywhere,
illuminating all;

May my supreme wisdom

Be like yours, Most Honored One.

11. If these vows are to be fulfilled,
Let this universe of a thousand million
worlds quake in response

And let all the devas in heaven

Rain down rare and marvelous flowers.”

